

Số: 1230/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐCP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 265/TTr-SNNMT ngày 24/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực

hiện công khai Danh mục thủ tục hành chính và Quy trình được nêu tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã theo đúng quy định. Hoàn thành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NC (Ph, TC_{09/6});
- Lưu: VT.KL408

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1230/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:
 - + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
 - + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.003727.000.00.00.H12	Công nhận làng nghề truyền thống	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - <i>Khoản 1 Điều 39 Nghị định</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	“1.003727” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.003712.000.00.00.H12	Công nhận nghề truyền thống	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003712” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.003695.000.00.00.H12	Công nhận làng nghề	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	“1.003695” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.003397.000.00.00.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 19 ngày làm việc, (cắt giảm 06/25 ngày làm việc, tỷ lệ 24%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003397” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.003434.000.00.00.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 04/18 ngày,	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tỷ lệ 22,22%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.		05/7/2018 của Chính phủ; Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003434” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Ghi chú: Danh mục thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại số thứ tự 1, 2, 3 của Mục I, số thứ tự 1 của Mục II kèm theo Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 05 TTHC (Trong đó: 04 TTHC cấp tỉnh; 01 TTHC cấp xã)/.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
(Kèm theo Quyết định số: 1230/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

- **Cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường Cà Mau thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Cấp xã:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; hoặc nộp qua Dịch vụ bưu chính công ích; hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).
- **Thời gian tiếp nhận:** Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:
 - + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
 - + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.003727.000.00.00.H12	Công nhận làng nghề truyền thống	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - <i>Khoản 1 Điều 39 Nghị định</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	“1.003727” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2	1.003712.000.00.00.H12	Công nhận nghề truyền thống	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003712” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3	1.003695.000.00.00.H12	Công nhận làng nghề	Trong thời hạn 24 ngày làm việc (<i>cắt giảm 06/30 ngày làm việc, tỷ lệ 20%</i>), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	“1.003695” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	1.003397.000.00.00.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 19 ngày làm việc, (cắt giảm 06/25 ngày làm việc, tỷ lệ 24%) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003397” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.003434.000.00.00.H12	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 04/18 ngày,	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Phục vụ	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tỷ lệ 22,22%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hành chính công cấp xã. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã - Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.		05/7/2018 của Chính phủ; Điều 40 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003434” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Ghi chú: Danh mục thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại số thứ tự 1, 2, 3 của Mục I, số thứ tự 1 của Mục II kèm theo Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 hết hiệu lực khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Tổng số Danh mục có 05 TTHC (Trong đó: 04 TTHC cấp tỉnh; 01 TTHC cấp xã)/.